

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HSST
Ngày: 27/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Hoàng Thị Quýt

Ông: Nguyễn Hữu Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng, thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2019/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T, sinh năm 1987 tại Bình Phước; nơi cư trú: ấp Tân Định, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; giới tính Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T1 và bà Trần Thị P; bị cáo có 08 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 04/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. ngày 06/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của bản án số 09/2012/HSST buộc bị cáo chấp hành 36 tháng tù. Ngày 11/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 21/2018/HSST. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Quảng Văn TH; tên gọi khác: Ba Khía; sinh năm 1994 tại Bến tre; nơi cư trú: ấp Tân Định, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; giới tính Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quảng Văn N và bà Trần Thị L; bị cáo có 02 (hai) chị, em (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/6/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Ông Lương Văn T1, sinh năm: 1984; HKTT: ấp Tân An, xã Tân Tiến, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông: Quảng Văn N, sinh năm: 1965(có mặt);
2. Ông: Võ Văn T, sinh năm: 1948(có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân Định, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 31/5/2019, Quảng Văn TH điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ, biển số 93H8-4154 chở Võ Văn T chạy từ ấp Tân Định, xã A, huyện B đến khu vực ấp Tân An, xã Tân Tiến, huyện B. Khi đi ngang nhà ông Lưu Văn Hải thuộc ấp Tân An, xã Tân Tiến, T phát hiện thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, biển số 93G1-071.66 của anh Lương Văn T1 dựng trước sân nhà, xe có cấm sắn chìa khóa, không có người trông coi. T nói TH vòng xe lại, chạy chậm và dừng xe cách nhà ông Hải khoảng 01 km đứng đợi T. T đi bộ vào sân nhà ông Hải lên lút lấy xe mô tô 93G1-071.66 nổ máy chạy ra đường. Lúc này, anh T1 và anh Lưu Văn Đông (con trai ông Hải) đang ở trong nhà nghe thấy tiếng xe máy nổ nên chạy ra ngoài đuổi theo. Anh T1 giữ được бага xe nên T ngã xuống đường, T1 và Đông bắt giữ được T và trình báo công an xã Tân Tiến lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, chuyển CQCSĐT Công an huyện B xử lý. TH đứng đợi nhưng không thấy T quay lại nên TH chạy xe đến gần nhà ông Hải thì thấy T đang bị người dân bắt giữ, TH bỏ trốn. Đến ngày 01/6/2019, TH đến Cơ quan công an huyện B đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 49/CTr-VKS ngày 23/8/2019, VKSND huyện B truy tố các bị cáo như sau:

Truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Truy tố bị cáo Quảng Văn TH về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn khẳng định các bị cáo có hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Quảng Văn TH phạm tội “Trộm cắp tài sản” đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 03 năm đến 04 năm tù. Theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo TH từ từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi. Theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ phạt hình phạt.

Người bị hại Lê Văn T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền sửa chữa xe bị hư, bồi thường về tiền công vì bị thương tích ở đầu gối, tổng cộng 3.200.000đ. Ông Quảng Văn Nang thay mặt cho bị cáo TH bồi thường 700.000đ, ông Võ Văn Tương thay mặt cho bị cáo T bồi thường 2.500.000đ. Người bị hại đã nhận số tiền trên và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 31/5/2019, Quảng Văn TH và Võ Văn T quan sát thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, biển số 93G1-071.66 của anh Lương Văn T1 tại ấp Tân An, xã Tân Tiến, huyện B, tỉnh Bình Phước không có người trông coi để trước sân nhà ông Hải cách đường khoảng 01 km. T đã có hành vi lén lút vào sân nhà ông Hải dắt chiếc xe moto ra đường và bị anh T1 phát hiện bắt quả tang giao công an xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 44/2019/BKL-ĐGTS ngày 03/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định tại thời điểm ngày 03/6/2019 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, biển số 93G1-071.66, chất lượng sử dụng còn lại là 30% có giá là: 6.375.000đ (sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Hành vi của các bị cáo Võ Văn T và Quảng Văn TH đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt của bị cáo Quảng Văn TH được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo Võ Văn T đã có tiền án chưa được xóa án tích tại các bản án như sau: Ngày 04/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng

về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 06/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của bản án số 09/2012/HSST buộc bị cáo chấp hành 36 tháng tù. Ngày 11/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 21/2018/HSST, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc T1 nhất với nhau về hành vi phạm tội. Tuy nhiên cũng cần phân tích vai trò của các bị cáo nhằm cá thể hóa tội phạm. Bị cáo T là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo TH là người đứng cạnh giới là đồng phạm tiếp sức cho bị cáo T, vì vậy bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo TH.

Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động tới gia đình tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại không có ý kiến gì thêm, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Riêng bị cáo Quảng Văn TH ngoài những tình tiết giảm nhẹ nêu trên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. HĐXX xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, nên chỉ cần giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát giáo dục là đủ, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quảng Văn Nang thay mặt cho bị cáo TH bồi thường 700.000đ, ông Võ Văn Tương thay mặt cho bị cáo T bồi thường 2.500.000đ cho bị hại. Tại phiên Tòa hôm nay các ông Nang, ông Tương không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền trên nên không xem xét.

Vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô Wave màu đen, biển số 93G1-071.66, SK: 1216DY41018, SK: C12E5041163 cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu anh Lương Văn T1 là có căn cứ nên HDXX không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát 93H8-4154, SM: VTTJL1P52FMH. Quá trình điều tra xác định được ông Quảng Văn Nang đã mua chiếc xe này từ Caphuchia không có giấy tờ hợp lệ, không rõ nguồn gốc. tại phiên tòa ông Nang cũng không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Nên cần tịch thu sung công quỹ.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo, và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn T; Quảng Văn TH phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03(ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 06/6//2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn TH 07(bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) 02(hai) tháng tính từ ngày tuyên án(27/9/2019).

Giao bị cáo Quảng Văn TH về UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên trả tự do cho bị cáo Quảng Văn TH ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát 93H8-4154, SM: VTTJL1P52FMH.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0007598 ngày 10/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B)

3. Án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng

4. Về quyền kháng cáo

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Văn Lượng